

Công ty CP sách và Thiết Bị Giáo dục Nam Định
13 Minh Khai- P Nguyễn Du- TP Nam Định – T Nam Định

=====◆=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(BCTC riêng)
QUÝ 3 NĂM 2016

Nơi gửi :
-Sở GD&ĐT Hà Nội
- UBCKNN
- Lưu Cty

Nam định, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Đơn vị: Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Nam Định

Địa chỉ: 13 Minh Khai - P.Nguyễn Du - TP Nam Định - Tỉnh Nam Định

Mẫu số: B01a - DN

(Ban hành theo QĐ số

200/2014/TTBTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11,411,085,581	11,861,416,228
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		429,234,524	6,258,291,937
1. Tiền	111	V.01	429,234,524	6,258,291,937
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III Các khoản phải thu	130	V.03	7,754,224,030	4,589,216,336
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7,670,157,870	4,465,538,431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54,066,240	80,397,237
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	29,999,920	43,280,668
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV Hàng tồn kho	140		3,197,186,086	1,006,861,155
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3,310,707,190	1,120,382,259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	()	-113,521,104	-113,521,104
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30,440,941	7,046,800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	7,046,800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.05	30,440,941	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu	153		0	0
4. Gia dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +230+ 240 + 250 + 260)	200		158,969,820,519	154,433,064,817
I Các khoản phải thu dài hạn	210	V.07	4,695,500,000	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Các khoản phải thu dài hạn khác	216	V.07	4,695,500,000	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II Tài sản cố định	220		3,988,570,519	4,147,314,817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	3,988,570,519	4,147,314,817
- Nguyên giá	222		6,215,264,087	6,215,264,087
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-2,226,693,568	-2,067,949,270

2. Tài sản cố định đi thuê tài chính	224			0	0
- Nguyên giá	225			0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227			0	0
- Nguyên giá	228			0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			0	0
III. Bất động sản đầu tư	230			0	0
1. Nguyên giá	231			0	0
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	()		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			0	0
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	150,285,750,000	150,285,750,000	150,285,750,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		150,285,750,000	150,285,750,000	150,285,750,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		0	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260			0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268			0	0
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		170,380,906,100	166,294,481,045	166,294,481,045
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		4,934,806,246	940,967,977	940,967,977
I. Nợ ngắn hạn	310		4,934,806,246	940,967,977	940,967,977
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	4,851,274,107	882,820,170	882,820,170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	22,241,804	24,948,847	24,948,847
3. Thuế và các tài khoản nộp nhà nước	313	V.13	22,225,818	25,045,750	25,045,750
4. Phải trả người lao động	314		0	3,035,892	3,035,892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	39,064,517	5,117,318	5,117,318
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		0	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0	0
II. Nợ dài hạn	330			0	0
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331			0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			0	0
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335			0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337			0	0
8. Vay nợ và nợ thuê tài chính dài hạn	338			0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			0	0

11. Thuế thu nhập hoãn phải trả lại	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		165,446,099,854	165,353,513,068
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	165,446,099,854	165,353,513,068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		165,000,000,000	165,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165,000,000,000	165,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		266,203,333	266,203,333
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của CSH	414		0	0
5. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-437,449,533	-437,449,533
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		291,971,737	291,971,737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		325,374,317	232,787,531
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		232,787,531	141,033,514
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		92,586,786	91,754,017
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
III. Nguồn vốn kinh phí, quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	432			0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		170,380,906,100	166,294,481,045

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 15..... tháng ..10... năm2016.....

Giám đốc

(Ký, họ tên)



GIÁM ĐỐC
TRẦN QUỐC HÙNG

Đơn vị: Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Nam Định
 Địa chỉ: 13 Minh Khai - P. Nguyễn Du - TP Nam Định - Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2016

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MS	THUYẾT MINH	Quý 3 năm 2016		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	13,984,583,163	16,244,473,210	28,986,728,694	29,582,893,096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	39,291,230
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13,984,583,163	16,244,473,210	28,986,728,694	29,543,601,866
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	13,090,410,255	15,199,180,633	27,066,087,354	27,718,806,200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		894,172,908	1,045,292,577	1,920,641,340	1,824,795,666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	38,949,744	39,185,200	150,385,781	40,142,800
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	0	0	128,316,058	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	24	VI.19	624,890,807	645,663,798	1,143,222,063	1,068,149,858
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.19	223,273,864	349,250,789	683,755,518	686,448,836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		84,957,981	89,563,190	115,733,482	110,339,772
11. Thu nhập khác	31	VI.22	0	4,831,492	0	4,831,492
12. Chi phí khác	32	VI.23	0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	4,831,492	0	4,831,492
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	VI.24	84,957,981	94,394,682	115,733,482	115,171,264
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	16,992,596	20,766,860	23,146,696	25,337,670
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VI.24	67,965,385	73,627,822	92,586,786	89,833,594
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0	0	0

Ngày 15 tháng 10 năm 2016



Kế Toán Trưởng

[Signature]

Hứa Thị Anh Đào

GIÁM ĐỐC

[Signature]
TRẦN QUỐC HÙNG

112 3 3 0 0 1 1 1 1

Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Nam Định

Địa chỉ: 13 Minh Khai - P.Nguyễn Du - TP Nam Định - Tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

9 tháng năm 2016

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	9 tháng 2016	9 tháng 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25,864,740,547	28,161,120,595
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-25,912,007,280	-26,923,904,490
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-807,866,807	-755,177,673
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-7,041,780	-47,225,442
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	115,163,581	113,133,472
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-5,083,059,858	-470,826,052
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-5,830,071,597	77,120,410
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-37,307,000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,014,184	1,398,500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,014,184	-35,908,500
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50	-5,829,057,413	41,211,910
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	6,258,291,937	288,682,795
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	429,234,524	329,894,705

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Kế toán trưởng

Hứa Thị Anh Đào

Giám đốc



GIÁM ĐỐC

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

I.Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan (từ khi thành lập đến nay Công ty đã một lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 18/06/2007) ,thay đổi lần thứ 2 vào ngày 2/7/2014,Thay đổi lần thứ 3 ngày 14/4/2015 , thay đổi lần thứ 4 ngày 27 tháng 11 năm 2015 mã số doanh nghiệp 0600004422.

Vốn điều lệ theo giấy chứng đăng ký kinh doanh: 165.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm;
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu...

Các đơn vị trực thuộc:

- Tên đơn vị : Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định Tại Hà Nội .

Địa chỉ :Tầng 3, Số 2A, đường Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Việt Nam.

II.Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo quyết định 200/2014/TTBTC ngày 22/12/2014 Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- Hình thức Kế toán: Nhật ký chứng từ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, **có khả năng** chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển **đổi thành** tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế **phát sinh** bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước **Việt Nam** công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có **số dư** ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân **hàng** tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh **giá lại** số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán mà người **nợ** khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản ...

3. Hàng tồn kho

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh ...

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

4. Các khoản đầu tư tài chính :

Đầu tư vào Công ty con : Công ty con là Công ty do Công ty Kiểm soát .

Công ty ghi nhận ban đầu vào Công ty con theo giá gốc .Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư . Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

5.TSCĐ và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá Tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
➤ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
➤ Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	9 – 10
➤ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 7

6.Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

7. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước được phân bổ theo thời gian sử dụng.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi hàng bán được khách hàng chấp nhận và đã phát hành hoá đơn bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

9. Quỹ tiền lương

Năm 2016 Quỹ lương dù kiỐn được xác định theo doanh thu

10. Ghi nhận cổ tức và phân phối các quỹ

Nguyên tắc trích lập các quỹ và phân chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận trong kỳ sau khi trừ các khoản vào lợi nhuận sau thuế, Công ty tiến hành phân phối và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông từng năm.

11. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: Đối với sách Giáo khoa, sách tham khảo thuộc đối tượng không chịu thuế. thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%, còn đối với các thiết bị tài liệu khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị.... áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán :

I. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đầu năm	Cuối kỳ
- Tiền mặt	278.593.697	188.263,023
- Tiền gửi ngân hàng	5.979.698.240	240.971.501
- Tiền đang chuyển		

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

Cộng	6.258.291.937	429.234.524
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn,	Đầu năm	Cuối kỳ
- Chứng khoán ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Đầu năm	Cuối kỳ
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức & lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động .khac...		
- Phải thu khác, khách hàng	4.589.216.336	7.754.224.030
Cộng	4.589.216.336	4.589.216.336
4. Hàng tồn kho	Đầu năm	Cuối kỳ
- Hàng hoá	1.120.382.259	3.310.707.190
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-113.521.104	-113.521.104
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	1.006.861.155	3.197.186.086
5. Thuế và các khoản phải thu khác	Đầu năm	Cuối kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT được khấu trừ	0	30.440.941
- Thuế và Các khoản phải thu khác	0	
- Chi phí trả trước ngắn hạn	7.046.800	
Cộng	7.046.800	30.440.941
6. Phải thu dài hạn nội bộ	Đầu năm	Cuối kỳ
- Cho vay dài hạn nội bộ		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
Cộng		
7. Phải thu dài hạn khác	Đầu năm	Cuối kỳ
- Kỳ quỹ , kỳ cược dài hạn		

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

-Các khoản tiền nhận uỷ thác		
-Cho vay không có lãi		
-Phải thu dài hạn khác	0	4.695.500.000
Cộng		4.695.500.000

I. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình: nhà cửa, máy, phương tiện

Khoản mục	Nhà cửa	Mỹ mức thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I/Nguyên giá TSCĐ HH					
Số dư đầu kỳ 01/01/2016	4.974.932.590		687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ 30/09/2016	4.974.932.590		687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
II/Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm 01/01/2016	883.505.936		631.359.694	553.083.640	2.067.949.270
- Khấu hao trong năm	102.856.935		55.888.163	0	158.744.298
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ 30/9/2016	986.362.071		687.247.857	553.083.640	2.226.693.568
III/G trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm 01/01/2016	4.091.426.654		55.888.163	0	4.147.314.817
- Tại ngày cuối kỳ 30/09/2016	3.988.570.519		0	0	3.988.570.519

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

1. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vụ hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ 1/1/2016					
- Mua trong năm					
Số dư cuối năm					
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm					
- Khấu hao trong kỳ					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ					
GTCL của TSCĐ vụ hình					
- Tại ngày đầu năm 1/1/2016					
- Tại ngày cuối kỳ 30/09/2016				0	0

11. Đầu tư dài hạn khác:

- Đầu tư cổ phiếu
- Đầu tư trái phiếu
- Cho vay dài hạn
- Đầu tư dài hạn khác : Đầu tư vào Công ty con Cty TNHH tư vấn và quản lý Smart Invest

Đầu năm

Cuối kỳ

150.285.750.000

150.285.750.000

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

-Đầu tư dài hạn khác (ICT)

Cộng	150.285.750.000	150.285.750.000
-------------	------------------------	------------------------

Khoản đầu tư vào Công ty con là giá trị vốn góp tại Công ty TNHH Tư vấn và quản lý Smart Invest chiếm 72,316% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty con là cung cấp hỗ trợ, tiếp thị và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán cho các Công ty chứng khoán.

11. Chi phí trả trước dài hạn	Đầu năm	Cuối kỳ
--------------------------------------	----------------	----------------

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ TC ghi nhận là TSCĐ vô hình
- Chi phí trả trước dài hạn khác

Cộng:

12. Vay và nợ ngắn hạn	Đầu năm	Cuối kỳ
-------------------------------	----------------	----------------

- Vay ngắn hạn
- Nợ ngắn hạn đến hạn trả

Cộng:

13. Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Cuối kỳ
---	----------------	----------------

- | | | |
|---|------------|------------|
| - Thuế giá trị gia tăng | 18.393.326 | 0 |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | | |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | | |
| - Thuế TNDN | 860.670 | 16.965.586 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 5.791.754 | 5.260.232 |
| - Thuế tài nguyên | | |
| - Thuế nhà đất & tiền thuê đất | | |
| - Các loại thuế khác | | |
| - Các khoản phí, lệ phí & các khoản phải nộp khác | | |

Cộng:	25.045.750	22.225.818
--------------	-------------------	-------------------

14. Chi phí phải trả	Đầu năm	Cuối kỳ
-----------------------------	----------------	----------------

- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
- Chi phí trước dài hạn

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

Cộng:

0

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Đầu năm

Cuối kỳ

- Tài sản thừa chờ giải quyết

- Kinh phí công đoàn

5.087.318

11.737.318

- Bảo hiểm xã hội

0

27.297.199

- Bảo hiểm y tế

0

- Doanh thu chưa thực hiện

0

- Phải trả người bán

882.280.170

4.851.274.107

- Người mua trả tiền trước

24.948.847

22.241.804

- Các khoản phải trả phải nộp khác (CBCNV, TCMVL,
lãi cô tức ...)

8.153.210

30.000

Cộng:

915.922.227

4.912.580.428

16. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 31/12/2014	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	2.203.367	(437.449.533)	141.033.514
Số dư tại 1/1/2015	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	2.203.367	(437.449.533)	141.033.514
Tăng trong kỳ	155.000.000.000					91.754.017
Số dư tại 31/12/2015	165.000.000.000	414.720.000	291.971.737			
Số dư tại 1/1/2016	165.000.000.000	414.720.000	291.971.737		(266.203.333)	232.787.531
Tăng trong kỳ						92.586.786
Số dư tại 30/9/2016	165.000.000.000	414.720.000	291.971.737		(266.203.333)	325.374.317

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	30/09/2016 VND
Các cổ đông khác	164.190.000.000	164.190.000.000
Công ty CP Sách TBGD ND (CP quỹ)	810.000.000	810.000.000
Cộng	165.000.000.000	165.000.000.000

Cổ phiếu

Tổng

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

	31/12/2015 Cổ phiếu	30/09/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	16.500.000	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu thường	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
CP thường	16.419.000	16.419.000
CP quỹ	81.000	81.000
Mệnh giá cổ phiếu: (ĐVT: đồng)	10.000	10.000

Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2015 VND	30/9/2016
Lợi nhuận sau thuế trong năm	91.754.017	92.586.786.
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	141.033.514	232.787.531
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế		
Trả cổ tức cho cổ đông		
Trích lập các quỹ		
Quỹ dự phòng tài chính		
Quỹ đầu tư phát triển		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	232.787.531	325.374.317

VI Thông tin bổ sung các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Tổng doanh thu	29.582.893.096	28.986.728.694
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	29.582.893.096	28.986.728.694

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

18. Giá vốn hàng bán

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	15.199.180.633	13.090.410.255
Cộng		

19. Chi phí bán hàng, QLDN

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
CP Bán hàng	645.663.798	624.890.807
CP QLDN	349.250.789	223.273.864
Cộng	994.914.587	848.164.671

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	440.900	237.834
Lãi trái phiếu Chính phủ		
Lãi công trái giáo dục		
Chiết khấu thanh toán được hưởng, Khác	38.744.300	38.711.910
Cộng	39.185.200	38.949.744

21. Chi phí hoạt động tài chính

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Lãi tiền vay	0	0
Chi phí tài chính khác		
Cộng	0	0

22. Thu nhập khác

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Thu nhập từ cho thuê cửa hàng		
Thu nhập từ Thanh lý tài sản, công cụ	-	
Các khoản thu nhập khác	4.831.492	0
Cộng		

IV- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH quý 3/2016(cty mẹ)

23. Chi phí khác

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Phạt do chậm nộp thuế		
Thanh lý sách hỏng, lạc hậu		
Các khoản chi phí khác		
Cộng		

24. Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Q3/2015 VND	Q3/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.394.682	84.957.981
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng		
- Nộp phạt do chậm nộp thuế		
- Chi phí không hợp lệ		
- Thương HĐQT không trực tiếp		
Điều chỉnh giảm		
- Lãi công trái giáo dục		
Tổng thu nhập chịu thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	20.766.860	16.991.596
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (@)		
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (P nộp)		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	73.627.822	67.966.385

Nam định, ngày 15 tháng 10 năm 2016

Kế toán trưởng



Hứa thị Anh Đào

Giám đốc



Trần Quốc Hưng